

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM 2024-2025

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	CĐ
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a. Phát triển vận động.			
1	Chiều cao cân nặng cần đạt cuối độ tuổi	Cân nặng của trẻ (72 tháng): Trai 15,9- 27,1 kg, Trẻ gái 15,3- 27,8kg Chiều cao của trẻ (72 tháng): Trai: 106,1- 125,8cm, Trẻ gái: 104,9 - 125,4cm	1-> 9
2	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1-> 9
3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân + Đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn)	2 1 5

		+ Đi trên ván kê dốc.	6
		+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.	7
	- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Đi trên ghế TD (2mx0,25m) không làm rơi vật đang đội trên đầu.	7
	- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	9
4	- Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.	3
		+ Chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.	9
5	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).	+ Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).	8
		+ Tung bóng lên cao và bắt.	3
		+ Đập bắt bóng tại chỗ.	6
		+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	6
		+ Ném xa bằng 1 tay	1
		+ Ném xa bằng 2 tay.	2
		+ Ném trúng đích bằng 1 tay	4
		+ Ném trúng đích bằng 2 tay.	7
		- Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).	9
- Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp	+ Đi và đập bắt bóng.	9	
6	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.	+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.	4
		- Chạy liên tục 120m không hạn chế thời gian (Bộ chuẩn)	+ Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	- Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.	1
		+ Bò đích dắc qua 7 điểm.	2
		+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.	4
		+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	3
	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất	+Trèo lên xuống 7 gióng thang.	6
	- Bật xa tối thiểu 50cm.	+ Bật liên tục vào vòng	3
		+ Bật xa 40 - 50cm	1

	<p>- Nhảy từ trên cao xuống.</p> <p>- Trẻ có thể biết một số kỹ thuật đá bóng cơ bản. (Đây là yếu tố địa phương. Thực hiện đối với trẻ TT đưa vào hoạt động chơi)</p>	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).	5
		+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.	4
		+ Bật qua vật cản cao 15 - 20cm.	7
		+ Nhảy lò cò 5m + Đá bóng vào gôn (Đây là yếu tố địa phương. Thực hiện đối với trẻ TT đưa vào hoạt động chơi)	6
7	<p>Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mặt:</p> <p>- Trẻ thực hiện được các vận động:</p> <p>+ Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</p> <p>+ Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p> <p>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</p> <p>+ Đan nóng mốt</p> <p>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu</p> <p>- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.</p> <p>- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mô-tuya.</p>	<p>Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</p> <p>- Bẻ, nắm.</p> <p>- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</p> <p>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p> <p>Lắp ráp</p> <p>+ Đan nóng mốt</p> <p>- Cài, cởi cúc áo cóm</p>	2,4
		<p>- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <p>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</p>	<p>- Tô, đồ theo nét.</p> <p>- Tô kín màu không chớm ra ngoài</p>
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
	<p>- Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <p>- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</p> <p>- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...</p>	<p>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p> <p>- Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái, Khơ, Mú...</p>	2,5,6
	<p>- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn</p>	<p>Làm quen với một số thao tác đơn giản trong</p>	2,5,6

8	<p>giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<p>chế biến một số món ăn, thức uống.</p>	
	<p>- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì, bệnh covid- 19...).</p>	2,6
9	<p>- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<p>Tập luyện kỹ năng: - Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. rửa tay đúng cách để phòng, chống dịch bệnh covid-19 - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Mặc trang phục dân tộc Thái. Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>	1,2
10	<p>- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</p>	<p>- Một số hành vi văn hóa, văn minh trong ăn uống - Có thói quen vệ sinh rửa tay trước khi ăn, lau miệng, xúc miệng, uống nước sau khi ăn - Ăn hết xuất, không kén chọn thức ăn...</p>	1
	<p>- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi.</p>	<p>Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Tập luyện kỹ năng: Đánh răng trước khi đi ngủ và sau khi ngủ dậy, có thói quen tắm rửa sạch sẽ hàng ngày - Giữ gìn, vệ sinh đầu tóc, quần áo gọn gàng Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p>	2, 4, 8

11	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Biết bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp - Trẻ biết cách phòng tránh, thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm và lối thoát hiểm ở trường, những đồ dùng và nơi dễ xảy ra cháy ở lớp; hệ thống và phương tiện PCCC, các khu vực dễ cháy ở trường, nhận biết tác hại, hậu quả của cháy. Nhận biết số điện thoại 114 	
12	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 	3,4
	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. 	<ul style="list-style-type: none"> Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	8
	<ul style="list-style-type: none"> -Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. Kĩ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai 	4,6, 8
<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện 	<ul style="list-style-type: none"> Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép 	1,3,5,6, 7, 8,9	

<p>thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</p>		
<p>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Thực hiện một số quy định phòng tránh dịch bệnh</p>	<p>Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Phòng tránh dịch bệnh + Một số luật lệ, biển báo giao thông đơn giản, gần gũi....</p>	<p>1,2,3,6,7</p>
<p>- Biết đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p>		

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a. Khám phá khoa học

13	<p>- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? Mưa đá, giông, sấm sét, động đất?</p>	<p>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Ý nghĩa của biến đổi khí hậu, nguyên nhân diễn biến của biến đổi khí hậu, thích ứng và hạn chế biến đổi khí hậu. Đặc trưng dấu hiệu cơ bản của mỗi loại thiên tai. Nguyên nhân, hậu quả của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả, một số hiện tượng thiên nhiên như Mưa đá, sấm sét, lũ lụt, động đất... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.</p> <p>- Trò chơi “ Ngôi nhà khoa học của SamMy” Bé khám phá thế giới động vật, thực vật và các hiện tượng tự nhiên cùng bạn rấn Sammy</p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa</p>	1-8
<p>-Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả, một số hiện tượng thiên nhiên như Mưa đá, sấm sét, lũ lụt, động đất... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>			
<p>- Trẻ thực hiện thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p>			
<p>- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều</p>			

	<p>cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số qua phần mềm trò chơi Kidmart 	<p>đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. 	
14	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi” - Trẻ có thể biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. 	8
15	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận xét, thảo luận được về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. <ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. 	3,5,6,7, 8

16	-Trẻ có thể thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình...	1-> 9
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
17	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: " bao nhiêu?" " đây là mấy?"....	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	7
	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, trẻ có thể biết đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng anh đối với trẻ (TT).	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Số đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng anh	1,3,5,7, 9
	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	9
18	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1,3,5,7, 9
	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng và đếm.	1,3,5, 7,9
19	- Trẻ có thể nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	3,7
20	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. -Tạo ra qui tắc sắp xếp.	8
21	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.		8
	- Trẻ có thể sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		8

22	- Trẻ có thể sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6
		- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	8
23	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận ra, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	4
24	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. - Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Trò chơi: “ Ngôi nhà không gian và thời gian của TruyDy”	2
25	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. - Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Tên các thứ trong tuần. Tên các mùa trong năm. - Trò chơi: “ Ngôi nhà toán học của Mille” Bò Millie cung cấp cho bé nền tảng học toán và tư duy vững chắc qua những trò chơi sinh động	1,6,8
c. Khám phá xã hội			
26	- Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình	2
	- Trẻ có thể nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3
	- Trẻ có thể nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi	Địa chỉ gia đình (gia đình người thái, khơ mú, đồ dùng	3

	được hỏi, trò chuyện.	đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái, khơ mú...).	
	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.	1
	- Trẻ có thể nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1
27	- Trẻ có thể nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương (dệt thổ cẩm, đan mây tre, nghề sản xuất; gạo tám, sém cù, nhà sàn...).	4
28	- Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội lớn (2/9) và của địa phương. Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban...	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban... Di tích Noong Nhai, Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng...	1, 6, 9
29	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Noong Nhai, Hàm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng		9
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
30	- Trẻ có thể thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. Nghe và thực hiện được 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh (TT)	1
	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.	

31		- Đặt các câu hỏi: " tại sao?" " như thế nào?" " làm bằng gì?."	1,3,5,6, 7,8
	- Trẻ hiểu được nghĩa của từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu một số từ chỉ tên gọi đồ vật trong trường mầm non, trong gia đình... bằng tiếng anh (TT)	
	- Trẻ có khả năng nghe, hiểu được một số từ đơn giản bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ (TT)	Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác	
32	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh (TT)	2
	- Trẻ có thể miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản phù hợp với độ tuổi bằng tiếng anh (TT)	5
	- Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. - Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. + Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh (TT) - Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc mọi lúc mọi nơi.	2, 5
	- Trẻ có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ (khu trung tâm.)	Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh	

		- Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích bằng tiếng anh (TT)	
33	- Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	2
34	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nhắc lại một số câu vè, câu thơ đơn giản bằng tiếng anh phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh (TT) - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1-> 9
35	- Trẻ có thể kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	2 -> 9
	- Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	5
36	- Trẻ biết sử dụng các từ: “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng” ... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác bằng tiếng anh (TT)	1
37	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4
	- Trẻ có thể chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng	5,6

38		được làm quen bằng tiếng anh (TT)	
	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	8,9
39	-Trẻ có thể kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh bằng tiếng anh	7,8,9
40	- Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,4,7
41	- Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái - Làm quen với 1 - 5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường (TT)	1-> 9
	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	1-> 9
	- Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast	- Trò chơi: “Ngôi nhà văn học, chữ viết HapPyKid” trên phần mềm kidmast	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI			
42	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	2,3
	- Trẻ có thể nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
43	- Trẻ có thể mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	4
	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm	- Sở thích, khả năng của bản thân.	

	được và việc gì bé không làm được	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	2
44	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3
	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Nghe lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những công việc vừa sức.	1,3
45	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	2
	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	6
46	- Trẻ có thể nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. âm nhạc - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	2
	- Trẻ có thể biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2
47	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3
48	- Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Kính yêu Bác Hồ	9
	- Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		9
49	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên,	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
50	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng,	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3,4,7,9

	vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		
	- Trẻ biết chờ đến lượt		4,7,9
51	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	2
	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	2
52	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự	2
53	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn, chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai.	2
54	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
55	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	1
	-Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	3,4,5,6,8, 9
56	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	3,8
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
57	- Trẻ có thể tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2,3,4
58	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản	+ Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các	2 -9

	nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	bài hát, bản nhạc, dân ca Thái, dân tộc khơ mú... + Nghe bài hát đơn giản bằng tiếng anh (TT)	
59	- Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Trẻ có thể hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh (TT)	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Hát một số bài hát về giao thông phù hợp với lứa tuổi + Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh (TT)	1 ->9
60	- Trẻ có thể vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1,2,3,4 ,6,7,8
	- Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	8
	- Trẻ có khả năng tiếp cận công nghệ số thông qua trò chơi trên phần mềm kidmast	- Trò chơi: “ Bộ sưu tập thế giới sôi động 1 - Thinkin" Think” trên phần mềm kidmast	
61	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. + Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1,2,3,4 ,5,6,7, 9
62	- Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	+ Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2,3,4 ,6, 8,9
63	- Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		3,4,5,7 ,9
64	- Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		1,2,3

65	- Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		1 -> 9
66	Trẻ có thể gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	2,3,4,7
67	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	5-> 9
68	- Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	7,8,9
	- Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.	5,6,7,8,9
69	- Trẻ có thể nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	5,6,7,8,9

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng)	STT	Chủ đề (từ ngày, tháng... đến ngày, tháng...)	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
9	1	Trường MN của bé (4 tuần, từ ngày 11/9 - 04/10/2024)	Ổn định nề nếp			
	2		Lớp học của bé	1		
	3		Dự án tết trung thu	1	Tết trung thu	
	4		Trường MN của bé	1		
	5		Đồ dùng đồ chơi của lớp	1		
10	6	Bé giới thiệu về mình (4 tuần, từ ngày 7/10- 1/11/2024)	Tôi là ai	1		
	7		Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo, bạn gái...	1	Ngày 20/10	
	8		Cơ thể diệu kì của bé	1		
	9		Bé cần gì để lớn lên, khỏe mạnh	1		
11	10	Gia đình của bé (4 tuần, từ ngày 4/11- 29/11/2024)	Gia đình bé	1		
	11		Ngôi nhà bé yêu	1		
	12		Ngày hội của các cô 20/11	1	Ngày 20/11	
	13		Nhu cầu gia đình	1		
11 - 12	14	Một số nghề gần gũi (4 tuần, từ ngày 02/12- 27/12/2024)	Nghề Bác sĩ	1		
	15		Nghề xây dựng	1		
	16		Chú bộ đội	1	Ngày 22/12	
	17		Một số nghề truyền thống ở địa phương	1		
12 -01	18	Những con vật đáng yêu (4 tuần, từ ngày 30/12/2024- 24/01/2025)	Một số con vật sống trong gia đình	1	Tết dương lịch	
	19		Một số con vật sống dưới nước	1		
	20		Tổ chức các hoạt động trải nghiệm/ các trò chơi, múa hát....	Ko soạn bài		

	21		Một số con côn trùng (Con Bướm)	1		
01- 02	22	Thực vật - Tết và mùa xuân – Ngày 8/3 (4 tuần, từ ngày 27/1/ -7/03/2025)	Nghỉ tết nguyên đán			
	23		Tết nguyên đán	1	Tết cổ truyền	
	24		Mùa xuân	1		
	25		Rau	1		
			Cây xanh và môi trường sống	1		
	26		Ngày 8/3	1	Ngày 8/3	
03	27	Quy định và phương tiện giao thông (4 tuần, từ ngày 10/3- 04/04/2025)	Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt	1		
	28		Phương tiện giao thông đường thủy	1		
	29		Phương tiện giao thông đường hàng không	1		
	30		Quy định giao thông	1		
04	31	Hiện tượng tự nhiên - mùa hè (3 tuần, từ ngày 07/4 – 25/4/2025)	Nước	1		
	32		Hiện tượng tự nhiên	1	Ngày giỗ tổ Hùng Vương	
	33		Mùa hè	1		
04 - 05	34	Quê hương- đất nước - Trường tiểu học (4 tuần, từ ngày 28/4 - 23/5/2025)	Quê hương	1	Ngày 30/4 và 1/5	
	35		Đất nước	1		
	36		Bác Hồ	1		
	37		Trường tiểu học	1		
				35		

T.M BAN GIÁM HIỆU
Phó hiệu trưởng
(Ký duyệt)

Đặng Thị Thái Hà